

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **299./2025/HSPT**
Ngày 15 - 12 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Triết

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang. – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Biện Tân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12. năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 314/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Đức T** phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST Ngày: 29 – 9 – 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Đức T**; Sinh ngày 04/02/1992; tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn A, phường E, tỉnh Đắk Lắk

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức H năm 1958 và bà Phạm Thị L năm 1964; bị cáo có vợ là Trương Thị Thúy V năm 1992 (đã ly hôn) và 02 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/10/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án hình sự phúc thẩm số 293/2019/HSPT, chấp hành xong hình phạt ngày 19/6/2020 (đã xóa án tích). Ngày 19/01/2019 bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác bằng hình thức phạt tiền, đã đóng phạt năm 2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Buôn Ma T1 Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh Đ có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T

1/ Ông Trịnh Gia Q năm 1977 – Luật sư. (vắng mặt)

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV T35, phường B, tỉnh Đắk Lắk

2/ Ông Võ Hữu D năm 1968 – Luật sư. (Có mặt)

Địa chỉ: Công ty L3.DV01, tầng 01, tòa nhà khu A, dự án Phát triển nhà ở xã hội, đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T1 năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số I buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk(cũ). Nay là số 98 buôn S, xã Q, tỉnh Đắk Lắk

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Võ Thị C năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số I buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk(cũ). Nay là số 98 buôn S, xã Q, tỉnh Đắk Lắk

2/ Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn A, phường E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức T mỗi quan hệ quen biết với anh Nguyễn Quang T3 (sinh năm 1996, trú tại buôn S M'grur, xã Q, tỉnh Đắk Lắk Năm 2018, T cho anh T3 mượn tiền, sau nhiều lần T yêu cầu anh T3 trả tiền cho T anh T3 không trả. Do bức tức việc anh T3 không trả tiền cho mình, vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 28/5/2025, T theo 01 khẩu súng ngắn, màu đen, thân và nòng súng bằng kim loại, có các chữ số “KUZEY-GN19”, “K4YKZG1YS01-2401820”, “Cal.9mm.P.A.K.”, “GLOCK 19”, “AUSTRIA”, “9x19”, kích thước (17x12x2,5)cm, cùng 02 hộp tiếp đạn bằng kim loại màu đen, kích thước (11,5x2,5x2)cm bên trong có 13 viên đạn, bỏ vào trong túi xách đeo chéo, màu đen. Sau đó, T6 khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 47AD-888.88 đi đến cửa hàng phân bón Tuy Cúc của gia đình anh T3 tại địa chỉ số I buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk để tìm anh T3 đòi tiền nợ.

Tại nhà kho của cửa hàng PT gặp ông Nguyễn Văn T1 (ông T1 là bố đẻ của anh T3 thì ông T1 nói T3 không ở nhà, T lại nói “*Nếu giấu thằng T3 trong nhà, có chuyện gì xảy ra thì tôi không biết đâu*”. Ông T1 đáp lại “*Tao không biết mày là ai, tao không nợ mày nên không trả tiền, mày làm gì tao*”, rồi T8 với ông T7 “*Ông ngon ông làm gì tôi đi*”. Ngay sau đó, ông T1 đi đến cạnh T dùng tay phải ôm cổ T thì Thắt tay ông T1 ra. Lúc này, ông T1 đi lại khu vực kết sắt phía trước có bàn làm việc, T cũng tiến đến phía bàn làm việc đứng đối diện ông T1 Sau đó, T cầm khẩu súng ngắn mang theo từ trong túi xách đeo trước ngực, cầm trên tay phải đánh 01 cái về phía ông T1 nhưng không trúng. Thấy vậy, ông T1 bỏ chạy về phía nhà ở đến cửa thông giữa khu vực nhà kho và nhà ở. Lúc này, T lên đạn thì súng bị kẹt đạn nên T cầm viên đạn bị kẹt cất vào trong người rồi tiếp tục lên đạn và đuổi theo ông T1. Khi T theo cách ông T1 khoảng 01 mét thì ông T1 quay người đối diện với T thì T giơ súng bắn 01 phát trúng vào tay trái của ông T1 Sau đó, ông T1 chạy vào trong nhà ở, đóng cửa lại thì T tục đuổi theo ông T1 thấy ông T1 chạy vào trong nhà ở, T đuổi theo ông T1 nữa mà đứng ở sân phía trước nhà ở của ông T1 dùng súng bắn 02 phát vào cánh cửa và kính bên trái của xe ô tô nhãn hiệu BMW 328I Gran, biển số 47A-151.18 của nhà ông T1 đang đậu ở trong sân gây hư hỏng. Tiếp đó, T vào trong nhà, qua cửa kính T thấy ông T1 đứng trong nhà nên T súng bắn 01 phát về phía cửa chính nhà ông T1 Sau đó, T ra ngoài khu vực nhà kho, dùng súng bắn 01 phát vào chiếc tivi nhãn hiệu SamSung, kích thước 40inch, màu đen đang treo trên tường gây hư hỏng rồi T ra ngoài lấy xe mô tô bỏ chạy thoát, ông T1 được gia đình đưa đến bệnh viện cấp cứu. Ngày 28/5/2025, ông

Nguyễn Văn T1 đơn yêu cầu giám định thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 361/KLTTCT-PY ngày 29/5/2025 và Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 80/KLTTCT-PY ngày 19/8/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn T1 thời điểm giám định là 2%, vật tác động là vật tày tiết diện nhỏ, cơ chế hình thành thương tích: Vết thương mặt ngoài khuỷu trái (nằm trên vết mổ); dập đứt cơ nhóm cơ duỗi, phạm tróc điểm bám gân duỗi tại lồi cầu ngoài xương cánh tay trái do vật tày tiết diện nhỏ tác động trực tiếp gây nên, có chiều hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải.

Tại bản kết luận giám định số 878/KL-KTHS ngày 04/6/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- 01 (Một) Vật hình dạng giống súng ngắn, màu đen, thân và nòng súng bằng kim loại màu đen có các chữ số: “KUZEY-GN19”, “K4YKZG1YS01-2401820”, “Cal.9mm.P.A.K.”, “GLOCK 19”, “AUSTRIA”, “9x19”, kích thước(17x12x2,5) cm, kèm theo 01 (Một) vật hình dạng giống hộp tiếp đạn, màu đen, kích thước (11,5x2,5x2)cm là súng bắn đạn cao su; hiện tại khẩu súng còn sử dụng bắn được và thuộc công cụ hỗ trợ.

- 01 (Một) Vật hình dạng giống hộp tiếp đạn bằng kim loại, màu đen, kích thước (11,5x2,5x2)cm là hộp tiếp đạn của loại súng bắn đạn cao su KUZEY-GN19; loại súng này thuộc công cụ hỗ trợ.

- 08 (T4)Vật hình dạng giống viên đạn bằng kim loại màu vàng, hình trụ tròn, chiều dài 2,2cm, đường kính 0,9cm, đầu viên đạn có các ký tự “OZK 9mm P.A.”, đầu đạn hình cầu màu đen là đạn cao su cỡ (9x 22)mm; hiện tại còn sử dụng được và thuộc công cụ hỗ trợ.

- 05 (Năm) Vật giống vỏ đạn, bằng kim loại màu vàng, hình trụ tròn, chiều dài 2,2cm, đường kính 0,9cm, đầu viên đạn có các ký tự “OZK 9mm P.A.” và 04 (Bốn) vật giống đầu viên đạn hình tròn bằng cao su, màu đen, đường kính 0,6cm (đều tạm giữ tại hiện trường) là vỏ đạn, đầu đạn của loại đạn cao su cỡ (9x 22)mm, loại đạn này thuộc công cụ hỗ trợ.

- Sử dụng khẩu súng nêu trên và các viên đạn bắn trong khoảng cách 01 mét mà đầu đạn trúng vào cơ thể người thì có gây sát thương (bị thương).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 29//5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu BMW 328I Gran, màu trắng, số khung WBA3X3109G320530, số máy A4901365N20B20A, biển số 47A-151.18 bị hư hỏng khu vực cửa xe phía trước, bên trái, giá trị thiệt hại là 21.900.000 đồng và 01 tivi nhãn hiệu SamSung, model UA40F6300AR, kích thước 40inch, màu đen bên trên màn hình có 01 vết thủng có kích thước (2,5x2,5)cm có giá trị thiệt hại là 5.000.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại của các tài sản là 26.900.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1611/KL-KTHS ngày 10/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu đen xám có số khung RLHJK1918RZ355426, số máy JK19E-2150559 đều không thay đổi, biển số 47AD-888.88 là biển số giả.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 186/KLGD ngày 26/8/2025 của Trung tâm P1 kết luận: Trước, trong, sau khi gây án và hiện tại Lê Đức T chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2025/HS-ST Ngày: 29 – 9 – 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức T tội Cố ý gây thương tích và tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Đức T** 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Đức T** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, hình phạt chung buộc bị cáo **Lê Đức T** phải chấp hành là **02 (Hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/5/2025.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 590 Bộ luật dân sự:

- Ghi nhận việc gia đình bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn T số tiền 26.900.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0000368 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

- Buộc bị cáo Lê Đức T thường thiệt hại về sức khỏe cho ông Nguyễn Văn T1 tiền là 12.272.469 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2025, bị cáo Lê Đức T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức T Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST Ngày: 29 – 9 – 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Đắk Lắk..

- *Luật sư Võ Hữu D1 bày:* Việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo T tội danh như trên là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: bị cáo T tội không có mục đích từ trước và phạm tội trong tình trạng bị bệnh dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội vì anh T3 nợ tiền bị cáo từ năm 2018 đến nay, bị cáo đòi tiền nhiều lần nhưng anh T3 không trả, khi bị cáo đến nhà đòi nợ thì ông T1 có lời nói thách thức bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động để mẹ bị cáo là bà Phạm Thị L2 nhiều lần đến nhà bị hại xin bồi thường khắc phục hậu quả nhưng bị hại không nhận nên bà L2 nộp tiền tại cơ quan nhà nước; bị cáo đã hoàn thành tốt nghĩa vụ trong công an nhân dân, bố đẻ và ông nội của bị cáo là người có công với

cách mạng, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự và Điều 65 và Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP để cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt theo quy định cho bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Lê Đức T tại phiên tòa phúc thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc vay mượn tiền, khoảng 13 giờ ngày 28/5/2025, Lê Đức T đến cửa hàng phân bón Tuy Cúc của gia đình anh T3 tại địa chỉ số I buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) để tìm anh T3 đòi tiền nợ. Tại đây, T gặp ông Nguyễn Văn T1 bố đẻ của T3 giữa T và ông T1 có xảy ra xô xát thì T dùng 01 khẩu súng ngắn (thuộc loại công cụ hỗ trợ) bắn vào tay trái, gây thương tích cho ông T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%. Sau đó, T dùng súng bắn vào xe ô tô, ti vi của gia đình ông T1 gây thiệt hại về tài sản với tổng giá trị **26.900.000 đồng** thì bị phát hiện, xử lý. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Đức T tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại *điểm a khoản 1 Điều 134* Bộ luật hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại *khoản 1 Điều 178* Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đức T thấy rằng: Mức hình phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, cấp sơ thẩm buộc bị cáo **Lê Đức T** phải chấp hành là **02 (Hai)** năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cấp sơ thẩm đã xem xét đủ, đúng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên bị cáo khi phạm tội là người có nhân thân xấu. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo **Lê Đức T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đức T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2025/HS-ST Ngày: 29 – 9 – 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức T tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức T 09 (chín) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức T (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, hình phạt chung buộc bị cáo Lê Đức T chấp hành là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/5/2025.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Đức T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND Tối Cao;
- Tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- TAND khu vực 3, Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3Đắk Lắk;;
- THADS tỉnh Đắk Lắk; THA phạt tù
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh
- Phòng PC 10 CA tỉnh
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đinh Thị Tuyết

